

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8- T**

Bản án số: 27/2025/DS-ST

Ngày: 20-8-2025

V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8- T

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh L.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Văn C – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 8- T.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8- T xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 84/2025/TLST-DS, ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V (tên viết tắt là V1); Địa chỉ: Số H, L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D -Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T - Chức danh: Phó giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý (theo Văn bản ủy quyền số 16/2023/UQN-CTQT ngày 24/4/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần V (tên viết tắt là V1).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lê Hoài T1 - chuyên viên xử lý nợ; Địa chỉ: Số F, Lê Cao D1, phường L, tỉnh T.

Theo văn bản ủy quyền ngày 20/7/2025.

2. Bị đơn: Ông Cai Thanh M, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh T.

Ông T1, ông M vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, Ngân hàng thương mại cổ phần V (tên viết tắt là V1) trình bày:

Ông Cai Thanh M có ký hợp đồng vay vốn tại V1 theo hợp đồng tín dụng số LD2236202008 ký ngày 28/12/2022 và hợp đồng tín dụng số LD2118100449 ký ngày 30/06/2021. Theo đó V1 cho vay với tổng số tiền: 173.500.000 (một trăm bảy mươi ba triệu năm trăm ngàn) đồng.

Đối với hợp đồng tín dụng số LD2236202008 ký ngày 28/12/2022, ông M đã trả số tiền 24.352.769 đồng, trong đó gốc là 2.689.684 đồng và lãi là 21.663.085 đồng. Ông M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 06/04/2024. Tạm tính đến ngày 20/08/2025 ông M còn nợ số tiền 146.837.222 đồng, trong đó nợ gốc là 65.810.316 đồng, nợ lãi là 81.026.906 đồng.

Đối với hợp đồng tín dụng số LD2118100449 ký ngày 30/06/2021 ông M đã trả số tiền 130.779.098 đồng, trong đó gốc là 47.764.789 đồng và lãi là 83.014.309 đồng. Ông M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 06/04/2024. Tạm tính đến ngày 20/08/2025 ông M còn nợ số tiền 124.169.031 đồng, trong đó nợ gốc là 57.235.211 đồng, nợ lãi là 66.933.820 đồng.

V1 khởi kiện yêu cầu ông M phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán ngay một lần toàn bộ nợ gốc và lãi vay tạm tính đến hết ngày 20/08/2025 là 271.006.253 đồng. Đồng thời, ông M phải thanh toán cho V1 tiền lãi phát sinh theo quy định tại các hợp đồng đã ký kể từ ngày 21/08/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, ông Cai Thanh M trình bày

Ông Cai Thanh M thừa nhận có vay V1 và còn nợ như người đại diện V1 đã trình bày. Ông M cũng đồng ý số nợ gốc, lãi và đồng ý trả nhưng do hiện nay đang gặp nhiều khó khăn về kinh tế nên đề nghị trả dần.

Tại phiên tòa, ông T1, ông M vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Các đương sự đều xác định vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại phiên làm việc ngày 15/8/2025 nên không hòa giải được. Tòa án tiến hành xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn V1, Tòa án xác định lại quan hệ pháp luật là “tranh chấp về hợp đồng tín dụng”.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Ông Cai Thanh M cư trú tại ấp B, xã T, tỉnh T. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 8- T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3]. Về thủ tục giải quyết: Vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, không phải thu thập thêm tài liệu chứng cứ và đương sự có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng thủ tục rút gọn theo quy định tại khoản 1 Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về việc giải quyết vắng mặt ông T1, ông M: Ông T1, ông M đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 320 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt ông T1, ông M.

[5]. Tại bản tự khai, người đại diện của nguyên đơn V1 thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông M về số tiền lãi và thời hạn trả lãi tính đến ngày 20/8/2025 là trong phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

[6]. Về yêu cầu của V1:

[6.1] Về nghĩa vụ thanh toán nợ gốc:

V1 khởi kiện và cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là hợp đồng tín dụng số LD2236202008 ký ngày 28/12/2022 số tiền vay là 68.500.000 đồng và hợp đồng tín dụng số LD2118100449 ký ngày 30/06/2021 số tiền vay là 105.000.000 đồng.

Ông Cai Thanh M thừa nhận có vay V1 số tiền trên và đồng ý trả nợ như yêu cầu của V1.

Các bên giao kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện và lập thành văn bản theo đúng quy định tại Điều 119, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên cho vay là V1 đã giải ngân, ông M đã nhận đủ số tiền vay theo đúng hai hợp đồng trên. Vì vậy, hợp đồng tín dụng số LD2236202008 ký ngày 28/12/2022 và hợp đồng tín dụng số LD2118100449 ký ngày 30/06/2021 có hiệu lực pháp luật, đã làm phát sinh quyền, nghĩa vụ pháp lý, buộc các bên giao kết phải thực hiện.

Do đó, yêu cầu khởi kiện về nợ gốc của V1 đối với ông M là có căn cứ chấp nhận. Ông M có nghĩa vụ trả nợ gốc là 123.045.527 đồng.

[6.2] Về lãi suất cho vay: Lãi suất giữa hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD2236202008 ký ngày 28/12/2022 và hợp đồng tín dụng số LD2118100449 ký ngày 30/06/2021 là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, yêu cầu tính lãi suất của V1 đối với ông M được chấp nhận. Ông M có nghĩa vụ trả nợ lãi tính đến ngày 20/8/2025 là 147.960.726 đồng.

[7]. Về án phí:

V1 không phải chịu án phí, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Cai Thanh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo thủ tục rút gọn đã làm tròn số tiền là: $271.006.253 \text{ đồng} \times 2,5\% = 6.775.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 271, Điều 322 Bộ luật Tố tụng Dân sự các Điều 117, Điều 119; Điều 463, Điều 351 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 107 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 2 Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về hợp đồng tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần V (tên viết tắt là V1) đối với ông Cai Thanh M, buộc ông M có nghĩa vụ trả cho V1 số tiền gốc 123.045.527 (một trăm hai mươi ba triệu không trăm bốn mươi lăm ngàn năm trăm hai mươi bảy) đồng và tiền lãi tính đến ngày 20/8/2025 là 147.960.726 (một trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi ngàn bảy trăm hai mươi sáu) đồng, tổng cộng là số tiền 271.006.253 đồng (hai trăm bảy mươi một triệu không trăm lẻ sáu ngàn hai trăm năm mươi ba) đồng.

2. Ông Cai Thanh M có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi từ ngày 21/8/2025 trên số tiền nợ gốc chưa trả, theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LD2236202008 ký ngày 28/12/2022 và hợp đồng tín dụng số LD2118100449 ký ngày 30/06/2021 cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc.

3. Về án phí:

3.1. V1 không phải chịu án phí, hoàn trả cho V1 số tiền tạm ứng án phí 6.094.000 (sáu triệu không trăm chín mươi bốn ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001842 ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8-T.

3.2. Ông Cai Thanh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 6.775.000 (sáu triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng.

4. V1, ông Cai Thanh M có quyền kháng cáo trong hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T
- VKSND khu vực 8- T;
- Phòng THADS khu vực 8- T;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh L